

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-3-2023
V/v: Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đào
2. Bà Nguyễn Thị Thiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Tân – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 506/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa: 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1973.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Văn C, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Ấp XM 1, xã TP, huyện GD, tỉnh TN.

(Chị Gái và anh Châu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc, nguyên đơn Nguyễn Thị G trình bày:

Chị và anh Huỳnh Văn C chung sống với nhau vào năm 1991, hôn nhân tự nguyện, được gia đình tổ chức lễ tuyên bố, do cuộc sống khó khăn bận đi làm nên đến nay chị và anh C không đến Ủy ban nhân dân xã để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân ly hôn, từ khi chị chung sống với anh

C, anh C không đi làm kiếm tiền mà chỉ ở nhà, kinh tế gia đình đều do chị gánh vác, đến năm 2018 anh C bắt đầu ghen tuông vô cớ, dùng nhiều lời thô tục để chửi mắng, thậm chí nhiều lần đánh chị, vì thương con nên chị chịu đựng đến tháng 4 năm 2021 do không thể tiếp tục chung sống được nữa nên chị thuê nhà trọ bên ngoài để sinh sống và vợ chồng ly thân đến nay mà không bàn việc đoàn tụ. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 03 người là Huỳnh Văn T, sinh năm 1992, Huỳnh Văn C, sinh năm 1994 và Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1997. Hiện các con đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Văn C: Tòa án có tiến hành triệu tập hợp lệ để thu thập chứng cứ nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị G nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn chị G đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh C chưa thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị: Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị G và anh Huỳnh Văn C. Về con chung: gồm có Huỳnh Văn T, sinh năm 1992, Huỳnh Văn C, sinh năm 1994 và Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1997 hiện đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị G vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị G và anh C chung sống với nhau vào năm 1991, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ tuyên bố nhưng không có đăng ký kết hôn.

Khi chung sống anh chị có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của ông bà không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì vậy, căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị G và anh C có 03 người con chung gồm: Huỳnh Văn T, sinh năm 1992, Huỳnh Văn C, sinh năm 1994 và Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1997 đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Không công nhận chị Nguyễn Thị G và anh Huỳnh Văn C là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh chị có 03 người con chung là Huỳnh Văn T, sinh năm 1992, Huỳnh Văn C, sinh năm 1994 và Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1997 đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị G phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng chị G đã nộp theo biên lai thu số 0024736 ngày 13-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị G đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Quyên